THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1462/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch vùng Tây Nguyên; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

2. Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của địa phương; khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống giữa các tầng lớp dân cư, giữa đô thị và nông thôn; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; tăng cường khối đoàn kết giữa các dân tộc.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 trở thành tỉnh phát triển khá của vùng Tây Nguyên có ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế, có hệ thống

kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, theo hướng hiện đại; phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo để đáp ứng nguồn nhân lực cho phát triển; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân các dân tộc; quốc phòng, an ninh được bảo đảm.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân hàng năm thời kỳ 2011 - 2020 đạt 14,5 - 15%, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 tăng 15 - 16%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 tăng 13,5 - 14%/năm. Đến năm 2015 GDP bình quân đầu người đạt 44,5 - 46,2 triệu đồng (khoảng 2.200 - 2.300 USD) và vào năm 2020 đạt 92 - 100 triệu đồng (khoảng 3.500 - 3.800 USD);

- Tỷ trọng ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế vào năm 2015 là 36,8 - 37%, 26,8 - 28%, 35,2 - 35,8%; đến năm 2020 cơ cấu kinh tế tương ứng là 27 - 28%, 35 - 36%, 36 - 37%;

- Phấn đấu đến năm 2015 kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 850 triệu USD và vào năm 2020 đạt khoảng 1.800 triệu USD;

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2015 đạt khoảng 44% GDP; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 42% GDP;

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2011 - 2015 đạt 13,8 - 14,3% GDP; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 14,2% GDP.

b) Về phát triển xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn dưới 1,3% vào năm 2015 và đến năm 2020 khoảng 1,2%; tỷ lệ hộ nghèo còn 2%, trong đó giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số xuống dưới 8% vào năm 2015 và đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo;

- Phấn đấu đến năm 2015 có 20% trường mầm non, 80% trường trung học, 20% trường trung học cơ sở và 10% trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; đến năm 2020, các chỉ tiêu trên là 40%, 90%, 40% và 20%. Đến năm 2020 có 10% huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học;

- Đến năm 2015 có 100% xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế; đến năm 2020 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 5% và tiếp tục đầu tư, xây dựng các cơ sở khám, chữa bệnh cho nhân dân để bình quân đạt 32 giường bệnh/vạn dân và 8 bác sĩ/vạn dân; phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 50%, trong đó đào tạo nghề đạt 35 - 40%; tương ứng đến năm 2020 đạt khoảng 70% và 55%; giải quyết việc làm mới bình quân hàng năm cho khoảng 28 - 30 vạn lao động;

- Phấn đấu đến năm 2015 có trên 30% xã, phường, 75% thôn, buôn đạt danh hiệu văn hóa, 85% số hộ gia đình đạt gia đình văn hóa; đến năm 2020 có 100% thôn, buôn, khu phố đạt danh hiệu văn hóa và 90% số hộ gia đình đạt gia đình văn hóa;

- Bảo đảm có 90% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; 85% dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh vào năm 2015 và đến năm 2020 bảo đảm 100% hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Nâng và duy trì tỷ lệ che phủ rừng lên 61% vào năm 2015; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Đến năm 2015 thu gom và xử lý 100% chất thải độc hại và 85 - 90% rác thải sinh hoạt; đến năm 2020 toàn bộ rác thải các loại được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Dịch vụ

a) Về du lịch:

Phát huy lợi thế, khai thác có hiệu quả tài nguyên khí hậu, phát triển du lịch thành ngành kinh tế động lực để đến năm 2020 ngành du lịch chiếm tỷ trọng trên 10% trong cơ cấu GDP. Phấn đấu xây dựng Thành phố Đà Lạt trở thành một trong những trung tâm du lịch lớn của khu vực và cả nước.

- Thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án du lịch chất lượng cao theo quy hoạch như khu du lịch hồ Tuyền Lâm, Đan Kia - Đà Lạt, hồ Đại Ninh, Cam Ly - Măng Lin, Langbian, Đam M'Bri, vườn quốc gia Cát Tiên, Bi Đoup - Núi Bà,…

- Phát triển hệ thống lưu trú, nhất là các khách sạn cao cấp, đến năm 2015 có khoảng 25 nghìn phòng, trong đó 20% đạt tiêu chuẩn 3 - 5 sao; năm 2020 khoảng 50 nghìn phòng, trong đó 40% đạt tiêu chuẩn 3 - 5 sao;

- Chú trọng mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ du lịch; tôn tạo các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; bảo tồn và khôi phục các khu biệt thự có giá trị kiến trúc tại Đà Lạt; xây dựng và phát triển các làng nghề;

- Hợp tác xây dựng các tuyến du lịch trong nước và quốc tế. Tăng cường liên kết khu vực miền Trung - Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ để hình thành các tam giác phát triển du lịch: Đà Lạt - Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang; Đà Lạt - Phan Thiết - Thành phố Hồ Chí Minh; Đà Lạt - Vũng Tàu - Thành phố Hồ Chí Minh; Đà Lạt - Đắk Lắk - Thành phố Hồ Chí Minh. Gắn phát triển du lịch với bảo vệ môi trường tự nhiên và bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Phấn đấu đến năm 2015 thu hút khoảng 4,5 - 5,0 triệu lượt khách và đạt 6,0 - 6,5 triệu lượt khách vào năm 2020, trong đó khách quốc tế chiếm khoảng 10%; tăng thời gian lưu trú bình quân lên 2,7 ngày vào năm 2015 và 3,0 ngày vào năm 2020.

b) Về thương mại:

Đa dạng hóa các loại hình thương mại; phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị văn minh, hiện đại; hình thành các chợ đầu mối hàng hóa nông sản như rau, hoa, trà, cà phê; hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn phù hợp; khuyến khích mở rộng các hình thức kinh doanh, mua bán, trao đổi hàng hóa ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 21,5%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 20%/năm. Trong đó:

- Giữ vững thị trường truyền thống và tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là thị trường các mặt hàng có lợi thế như cà phê, hạt điều, chè chế biến, gỗ chế biến, rau, hoa, rượu vang, alumin, cao lanh, hàng tiểu thủ công nghiệp,…

c) Các dịch vụ khác:

- Phát triển các loại hình phương tiện vận tải hàng hóa, tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông; nghiên cứu các hình thức đầu tư phù hợp để mở rộng các đường bay trong nước và quốc tế;

- Hiện đại hóa mạng lưới bưu chính viễn thông; mở rộng các tuyến truyền dẫn, phủ sóng di động đến tất cả các địa bàn; phát triển mạng dịch vụ Internet; đẩy mạnh ứng dụng và phát triển ngành công nghệ thông tin;

- Phát triển đồng bộ các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân; mở rộng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán; nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm, an sinh xã hội, dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp.

2. Công nghiệp

Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ; xây dựng các nhóm sản phẩm hàng hóa chủ lực; phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp phục vụ du lịch. Phấn đấu đến năm 2020 cơ bản lấp đầy các khu, cụm công nghiệp.

Phát triển các lĩnh vực công nghiệp chủ yếu sau:

- Năng lượng: đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình thủy điện trên sông Đồng Nai, phát triển hệ thống thủy điện vừa và nhỏ theo quy hoạch; khai thác năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời,…);

- Khai thác và chế biến khoáng sản: tăng cường công tác điều tra, thăm dò tài nguyên khoáng sản. Hiện đại hóa công nghệ khai thác, chế biến, đặc biệt là công nghiệp khai thác bô xít và luyện alumin, chế biến cao lanh, bentonite, diatomite, sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu chịu lửa;

- Chế biến nông lâm sản: mở rộng và đổi mới công nghệ chế biến trà, cà phê, thức ăn gia súc, phân bón, giấy, gỗ; phát triển các nhà máy chế biến sữa, thịt; nhà máy cấp đông và chế biến rau quả; sản xuất nước khoáng và đồ uống chủ yếu từ nguồn nguyên liệu địa phương;

- Sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng: tập trung phát triển các loại vật liệu như gạch ngói các loại, vật liệu chịu lửa, đá xây dựng; phát triển sản xuất gạch tuynen để thay thế các lò gạch thủ công; khuyến khích sản xuất các loại vật liệu xây không nung;

- Dệt, may, chế biến tơ tằm: khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển ngành dâu tằm tơ tại Bảo Lộc; thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp dệt may, giày da.

3. Nông lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển nông lâm nghiệp theo hướng bền vững, đổi mới giống và cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa công nghệ cao để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu, nhất là rau, hoa, dâu tây tại Đà Lạt, Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng; chè tại Bảo Lộc, Bảo Lâm, Di Linh,…

Gắn sản xuất nông nghiệp với bảo quản sau thu hoạch và công nghiệp chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm. Xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm nông nghiệp chính đặc trưng cho từng vùng; mở rộng các hình thức liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể:

- Về trồng trọt:

Trên cơ sở ổn định diện tích đất sản xuất nông nghiệp khoảng 280.000 ha, quy hoạch, bố trí lại cơ cấu cây trồng để nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Đến năm 2020 diện tích cây cà phê khoảng 135.000 ha (cà phê chè chiếm khoảng 20% diện tích); chè 29.000 - 30.000 ha (chè chất lượng cao 5.000 ha); cây dâu tằm khoảng 8.000 ha (trên 80% giống mới); cây điều khoảng 12.000 ha (50% điều ghép cao sản); phát triển các loại rau, hoa quả ôn đới cao cấp với diện tích gieo trồng đạt 60.000 ha, trong đó 20% diện tích đất sản xuất áp dụng công nghệ cao; ổn định diện tích gieo trồng cây lương thực khoảng 55.000 ha.

Phấn đấu đến năm 2015 giá trị sản xuất bình quân đạt khoảng 100 triệu đồng/ha/năm và đến năm 2020 đạt 120 - 150 triệu đồng/ha/năm, trên 80% diện tích đất canh tác chủ động nước tưới; 100% diện tích được cơ giới hóa khâu làm đất, trên 70% diện tích được cơ giới hóa đến khâu thu hoạch.

- Về chăn nuôi, thủy sản:

Đẩy mạnh chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, hình thành các khu chăn nuôi tập trung và các trang trại chăn nuôi bò sữa, bò thịt chất lượng cao, chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh và nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm. Nâng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp lên 35% vào năm 2015 và 40% vào năm 2020.

Phát triển mạnh chăn nuôi để đến năm 2020 đàn bò đạt 0,4 triệu con (bò sữa 15.000 con); đàn lợn 1,6 triệu con; đàn gia cầm 5,3 triệu con; diện tích nuôi trồng thủy sản 4.000 - 4.500 ha, trong đó nuôi cá nước lạnh 200 - 250 ha.

Khuyến khích nuôi trồng thủy sản, trọng tâm là các loại thủy sản có lợi thế của địa phương như cá tầm, cá hồi gắn với chế biến, tiêu thụ.

- Về lâm nghiệp:

Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng. Hoàn thiện công tác giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp cho cộng đồng để người dân được hưởng lợi từ rừng. Quy hoạch cơ cấu 3 loại rừng phù hợp với công tác quản lý, bảo vệ rừng. Đẩy mạnh thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; nâng tỷ trọng lâm nghiệp trong cơ cấu ngành nông lâm nghiệp lên 5 - 7%.

- Về phát triển nông thôn:

Xây dựng nông thôn mới đồng bộ phù hợp thực tế của địa phương và quy định của Nhà nước với nội dung và các tiêu chí nông thôn mới từng bước văn minh, hiện đại, bảo đảm cho người dân nông thôn tiếp cận tốt các dịch vụ xã hội và phúc lợi công cộng. Đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế nông thôn, củng cố và phát triển kinh tế hợp tác theo các mô hình mới phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay. Phấn đấu đến năm 2015 có trên 30% và năm 2020 có trên 50% số xã đạt tiêu chí về nông thôn mới.

4. Về các lĩnh vực xã hội

a) Về dân số, lao động, việc làm và an sinh xã hội:

- Tiếp tục thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ tăng tự nhiên; hạn chế tăng cơ học. Ổn định quy mô dân số đến năm 2015 khoảng 1,30 triệu người và khoảng 1,40 triệu người vào năm 2020;

- Bố trí dân cư phù hợp với yêu cầu phát triển chung của Tỉnh, gắn quá trình đô thị hóa với chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn; phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ dân số đô thị chiếm 42% và năm 2020 chiếm 45% dân số;

- Mở rộng đào tạo nghề nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động; đến năm 2015 tỷ lệ lao động dịch vụ chiếm 25%, công nghiệp 15% và nông nghiệp 60%; tỷ lệ này tương ứng năm 2020 là 30%, 25% và 45%. Tích cực thực hiện các chính sách lao động và giải quyết việc làm cho người lao động;

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách giảm nghèo bền vững, giúp các hộ nghèo, cận nghèo vươn lên khá và không tái nghèo; quan tâm giải quyết nhà ở cho người dân, đặc biệt cho sinh viên, công nhân và người có thu nhập thấp; hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Về giáo dục và đào tạo:

- Phát triển toàn diện sự nghiệp giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp, bậc học; đa dạng hóa các loại hình trường lớp và các hình thức học tập. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; quan tâm phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa để giảm dần khoảng cách về chất lượng giáo dục;

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị trường lớp; phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia 36 - 40% và năm 2020 đạt trên 75%. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên các cấp giỏi về chuyên môn, có phẩm chất đạo đức và tâm huyết với nghề nghiệp;

- Xây dựng chiến lược đào tạo các ngành, nghề phù hợp với yêu cầu phát triển và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh đào tạo nghề tại khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động. Thu hút đầu tư, liên kết đào tạo trong nước và quốc tế để hình thành một số trường đại học, cao đẳng có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong vùng, phù hợp với quy hoạch chung của cả nước.

c) Về y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Phát triển đồng bộ mạng lưới y tế đến cơ sở; từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn và y đức cho đội ngũ cán bộ y tế; hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị khám, chữa bệnh và phòng chống dịch; tiếp tục đẩy mạnh nâng cấp các trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện. Xã hội hóa để thu hút vốn đầu tư xây dựng các cơ sở khám, chữa bệnh gắn điều trị với nghỉ dưỡng;

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Phấn đấu đạt mục tiêu thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân và các chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số. Phát triển nhanh công nghiệp dược và thiết bị y tế; kết hợp phát triển y học hiện đại với y học dân tộc.

d) Về văn hóa thông tin, thể dục thể thao:

- Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa; xây dựng nền văn hóa lành mạnh tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo ra được nhiều sản phẩm văn hóa chất lượng cao và đặc thù của địa phương. Không ngừng cải thiện mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, giảm chênh lệch về đời sống văn hóa tinh thần giữa các tầng lớp dân cư và giữa các địa bàn. Xã hội hóa đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thông tin; tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc;

- Nâng cao chất lượng thông tin, báo chí, phát thanh truyền hình, phủ sóng truyền hình mặt đất đến tất cả các điểm dân cư, triển khai mạng truyền hình cáp đến tất cả trung tâm các huyện, thành phố;

- Quan tâm phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thành tích cao.

5. Về khoa học và công nghệ

- Khuyến khích chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ mới, tiên tiến vào quản lý, sản xuất, kinh doanh, nhất là việc ứng dụng công nghệ cao trong một số lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp, nông nghiệp; nhanh chóng đổi mới thiết bị, công nghệ mới; khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học cao, nhất là trong các lĩnh vực điện tử tin học, vật liệu mới, công nghệ sinh học,….

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ; gắn nghiên cứu với ứng dụng các sản phẩm của đề tài khoa học vào sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng, đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu sản phẩm hàng hóa;

- Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ khoa học; huy động các thành phần kinh tế tham gia phát triển khoa học, công nghệ; quan tâm đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, các trung tâm nghiên cứu, thí nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học công nghệ.

6. Về bảo vệ tài nguyên và môi trường

- Chủ động hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành kinh tế; khắc phục tình trạng suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường; bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường sinh thái;

- Quản lý bảo vệ chặt chẽ, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, rừng và khoáng sản. Thực hiện tốt công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, khoáng sản để có kế hoạch khai thác và sử dụng tài nguyên hợp lý; thực hiện hoàn thổ, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản;

- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng và xử lý các loại hóa chất, chất thải gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình; huy động tốt các nguồn lực để đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý và tái chế chất thải;

- Thực hiện tốt công tác dự báo, cảnh báo và khắc phục hậu quả thiên tai; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

7. Về quốc phòng, an ninh

- Củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, sẵn sàng đối phó thắng lợi với các tình huống xảy ra;

- Đẩy mạnh phong trào quần chúng tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, củng cố thế trận an ninh nhân dân; tăng cường xây dựng lực lượng công an nhân dân. Phối hợp các lực lượng thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm và bài trừ các tệ nạn xã hội.

8. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Về giao thông: Phấn đấu đến năm 2020 về cơ bản hoàn thành đầu tư, xây dựng hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại. Cụ thể:

- Đối với các công trình giao thông thuộc Trung ương quản lý trên địa bàn Tỉnh: Tỉnh phối hợp với Bộ Giao thông vận tải để từng bước đầu tư, nâng cấp các tuyến quốc lộ 20, 55, 27, 28; xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; hoàn thành đường Trường Sơn Đông. Nghiên cứu nâng cấp cảng hàng không Liên Khương và tuyến đường sắt Bảo Lâm - Bình Thuận đáp ứng nhu cầu thực tế, bảo đảm phù hợp với nguồn lực từng giai đoạn và quy hoạch ngành;

- Đối với các công trình giao thông thuộc địa phương quản lý: chủ động xây dựng kế hoạch và bố trí hợp lý nguồn lực trong từng giai đoạn để xây dựng mới và nâng cấp các tuyến đường 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729. Hiện đại hóa mạng lưới giao thông đô thị tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các thị trấn; xây dựng đường vành đai và tuyến tránh qua các đô thị. Huy động các nguồn lực để kiên cố hóa đường huyện, xã và phát triển mạng lưới giao thông nông thôn; đến năm 2015 toàn bộ đường trục xã, liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa, tất cả cầu cống được xây dựng kiên cố; 30% đường trục thôn, xóm, hẻm, đường trục chính nội đồng được cứng hóa và tỷ lệ này đạt trên 70% vào năm 2020.

b) Về thủy lợi:

Đầu tư nâng cấp và kiên cố hóa kênh mương nhằm phát huy tốt năng lực tưới tiêu các công trình hiện có, bảo đảm đủ nước cho sản xuất, đời sống; ưu tiên đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ tưới cho vùng cây công nghiệp dài ngày và vùng sâu, vùng xa. Đến năm 2015 đảm bảo nguồn nước tưới cho 90% diện tích lúa, rau hoa và 60% diện tích cây công nghiệp dài ngày; đến năm 2020 cơ bản đủ nước tưới cho toàn bộ diện tích lúa, rau hoa và 80% diện tích cây công nghiệp dài ngày.

c) Về phát triển điện:

- Cải tạo, xây dựng mạng lưới điện theo hướng đồng bộ; kết nối và tăng công suất các trạm đầu mối để ổn định nguồn điện với độ tin cậy cao; khẩn trương triển khai các dự án thủy điện vừa và nhỏ theo quy hoạch; xây dựng các dự án điện gió tại những khu vực thích hợp;

- Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối điện đến tất cả các khu, cụm công nghiệp, du lịch, các điểm dân cư và các vùng sản xuất tập trung. Từng bước hiện đại và ngầm hóa hệ thống lưới điện đô thị. Chú trọng phát triển mạng lưới điện nông thôn.

d) Về cấp nước và vệ sinh môi trường:

Căn cứ vào khả năng huy động các nguồn lực có kế hoạch đầu tư xây dựng và nâng cấp các nhà máy nước đô thị, mở rộng mạng lưới cấp nước và thực hiện có hiệu quả chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đến năm 2020 tất cả dân cư được sử dụng nước sạch.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

Phát triển hài hòa và bền vững giữa thành thị với nông thôn; xây dựng hệ thống đô thị văn minh, sạch đẹp và nông thôn mới toàn diện; thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng trong Tỉnh.

1. Về phát triển không gian đô thị:

- Tập trung đầu tư xây dựng Đà Lạt trở thành thành phố du lịch chất lượng cao và là một trong những trung tâm về giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học của khu vực và cả nước; chú trọng bảo tồn các công trình có giá trị kiến trúc, gìn giữ cảnh quan, môi trường sinh thái đặc thù; tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng gắn với chỉnh trang, mở rộng không gian đô thị; thể hiện tốt vai trò trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, dịch vụ và đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng của Tỉnh.

- Phát triển Bảo Lộc trở thành đô thị công nghiệp gắn với các ngành dịch vụ giữ vai trò hạt nhân khu vực phía Nam của Tỉnh. Nghiên cứu đầu tư xây dựng đô thị Liên Khương - Prenn và các thị trấn đạt đô thị loại 4, 5 khi có đủ điều kiện theo quy định để từng bước hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị từng bước đồng bộ, hiện đại.

2. Về phát triển vùng:

- Vùng Đà Lạt - Lạc Dương - Đức Trọng - Đơn Dương - Lâm Hà: tập trung phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại và tiểu thủ công nghiệp phục vụ du lịch.

Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; chú trọng phát triển rừng gắn với phát triển kinh tế trang trại theo mô hình nông lâm kết hợp;

- Vùng Bảo Lộc - Bảo Lâm - Di Linh: Phát triển thủy điện, công nghiệp chế biến nông lâm khoáng sản, khai thác chế biến bôxít. Ổn định và nâng cao chất lượng vùng cây công nghiệp dài ngày;

- Vùng Đa Huoai - Đa Tẻh - Cát Tiên và huyện Đam Rông: chuyển hóa rừng nghèo kiệt sang trồng rừng kinh tế gắn với phát triển chăn nuôi đại gia súc.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Huy động các nguồn vốn đầu tư:

Nhu cầu vốn đầu tư thời kỳ 2011 - 2020 khoảng 285 nghìn tỷ đồng, trong đó, giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 85 nghìn tỷ đồng và khoảng 200 nghìn tỷ đồng giai đoạn 2016 - 2020.

Ngoài nguồn đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, Tỉnh cần có giải pháp để huy động có hiệu quả cao nhất các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển.

- Trên cơ sở danh mục các chương trình, dự án kêu gọi đầu tư đến năm 2020; Tỉnh cần đẩy mạnh công tác quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút tốt nguồn vốn đầu tư, đồng thời chú trọng khai thác nguồn vốn ODA và các nguồn vốn của các nhà tài trợ khác;

- Cải thiện môi trường đầu tư; tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư; ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư hấp dẫn, minh bạch, phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, BTO,… tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các thị trường vốn; phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư;

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường,…

2. Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước:

- Hiện đại hóa nền hành chính, từng bước xây dựng chính quyền điện tử; củng cố, kiện toàn cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương các cấp nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước;

- Cải thiện tốt môi trường đầu tư nhằm tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh thông thoáng, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào

phát triển kinh tế - xã hội; phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và kinh tế hợp tác;

- Tăng cường thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; tích cực tháo gỡ khó khăn để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp mới thành lập;

- Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người dân, bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật; rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực và thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức ở địa phương. Phấn đấu đến năm 2020, chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Lâm Đồng thuộc nhóm khá đến tốt của cả nước.

3. Liên kết, hợp tác phát triển thị trường:

- Phát triển kinh tế đối ngoại toàn diện, chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thu hút tối đa các nguồn lực bên ngoài; tăng cường hợp tác liên kết với Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng Tây Nguyên, Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và các địa phương khác trong cả nước. Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ; nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và xây dựng một số thương hiệu hàng hóa cho các sản phẩm có lợi thế;

- Tăng cường xúc tiến thương mại du lịch trong và ngoài nước; đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; mở rộng thị trường nông thôn, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Khuyến khích liên doanh, liên kết giữa các cơ sở sản xuất nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; phát triển đa dạng, đồng bộ các loại thị trường.

4. Phát triển nguồn nhân lực:

- Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại đối với đội ngũ cán bộ quản lý ở các cấp, các lĩnh vực; khuyến khích phát triển các hình thức đào tạo trực tiếp tại các doanh nghiệp, đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà đầu tư và các trung tâm giới thiệu việc làm;

- Xây dựng và thực hiện các chính sách ưu đãi cụ thể nhằm thu hút lực lượng lao động có trình độ cao về công tác tại địa phương. Thực hiện tốt việc liên kết, hợp tác giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp sử dụng lao động. Kết hợp hài hòa giữa đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo.

VI. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tỉnh cần tổ chức công bố, phổ biến cho cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và

nhân dân trong Tỉnh. Trên cơ sở các nội dung, mục tiêu của Quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng giai đoạn phát triển;

Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong Quy hoạch được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch; kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong quá trình thực hiện Quy hoạch; nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nêu trong Quy hoạch.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong việc điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch ngành, lĩnh vực đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ Tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2011- 2020 TỈNH LÂM ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

I	**CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ**
1	Đường cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt
2	Trung tâm sinh học nông nghiệp công nghệ cao
3	Trung tâm huấn luyện thể thao Quốc gia
II	**CÁC DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**
1	Kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp Lộc Sơn, Phú Hội; phát triển các làng nghề
2	Xây dựng, nâng cấp các đường tỉnh 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729
3	Đường ĐT 722 (đoạn Km 642 đường Trường Sơn Đông - Đạ Tông)
4	Đường vành đai thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và tuyến tránh qua các đô thị
5	Hiện đại hóa mạng lưới giao thông đô thị tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các thị trấn
6	Đường liên xã thị trấn Lạc Dương - Đạ Sar; đường liên xã Gia Bắc - Sơn Điền - Hòa Bắc; đường Tôn K'long
7	Cải tạo các công trình thủy lợi hiện có và kiên cố hóa kênh mương
8	Các hệ thống thủy lợi (Đạ Sị; Đạ Lây, Đăk K'Long Thượng; Kazam; Đông Thanh và Hiệp Thuận; Quốc Oai, Đa Riông)
9	Hệ thống phòng chống lũ sông Đa Nhim, Đồng Nai
10	Hệ thống thủy lợi nhỏ vùng đồng bào dân tộc
11	Sắp xếp, bố trí lại dân cư
12	Kết cấu hạ tầng các khu du lịch vườn quốc gia (Cát Tiên; Bi Doup - Núi Bà)
13	Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải, rác thải các đô thị; hệ thống bãi rác thải ở các đô thị
14	Trung tâm công nghệ cao, trung tâm chiếu xạ
15	Xây dựng các trung tâm quan trắc, giám sát môi trường
III	**CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH KÊU GỌI ĐẦU TƯ**
1	Các tuyến đường sắt (Đà Lạt - Tháp Chàm; Bảo Lâm - Bình Thuận); tuyến đường sắt vận chuyển bô xít
2	Kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp - đô thị (Tân Phú; Đại Lào); các cụm công nghiệp

3	Thủy điện Đồng Nai 5; các công trình thủy điện vừa và nhỏ; điện gió, điện mặt trời
4	Nhà máy cấp đông rau quả; các nhà máy chế biến rau quả đặc sản, cà phê, chè, rượu vang chất lượng cao; các nhà máy cà phê hòa tan, cà phê bột, ca cao; chế biến thịt, sữa
5	Mở rộng và hiện đại hóa các nhà máy chế biến chè hiện có
6	Các nhà máy chế biến (gỗ cao cấp; thức ăn gia súc; phân vi sinh từ rác thải, than bùn)
7	Các nhà máy (chế biến mủ cao su; dệt len pha tơ tằm, nhuộm, in hoa lụa tơ tằm; may cao cấp; dệt lụa tơ tằm; dệt kim vải tơ tằm; kéo sợi Spulsilk; sản xuất phụ liệu may; giày da)
8	Các nhà máy (sản xuất thanh nhôm định hình; lắp ráp đồ điện tử và đồ điện gia dụng; sản xuất hydroxite - oxyt nhôm; gốm - sành - sứ - vật liệu chịu lửa; chế biến cao lanh)
9	Các nhà máy (sản xuất bê tông và cấu kiện bê tông; gạch tuy nen, gạch siêu nhẹ, gạch không nung; ngói màu xi măng, sản xuất tấm lợp và xà gồ kim loại; gạch lát hè tự chèn, gạch lát Terrazzo, gạch Terastone; chế biến Bentonit; chế biến Điatômít để sản xuất chất hấp thụ, xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản)
10	Dự án công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm ứng dụng
11	Các khu du lịch (hồ Tuyền Lâm; Đà Lạt - Đan Kia; hồ Prenn; Lang Biang)
12	Các khu du lịch nghỉ dưỡng (hồ Đại Ninh; hồ Lộc Thắng; Cam Ly, Măng Ling)
13	Khu nghỉ dưỡng, vui chơi và giải trí hồ Nam Phương, hồ Tân Rai, thác Đamri
14	Bảo tồn các di tích văn hóa, lịch sử kết hợp kinh doanh du lịch, dịch vụ
15	Đường sắt Monorail du lịch tại thành phố Đà Lạt
16	Các trung tâm thương mại, siêu thị; chợ nông thôn; chợ đầu mối rau, hoa, chè, cà phê
17	Hệ thống kho bãi trung chuyển hàng hóa, kho ngoại quan, các trung tâm dịch vụ vận tải
18	Các dự án (đầu tư đổi mới giống, trồng và chế biến trà; đổi mới giống và công nghệ sơ chế cà phê)
19	Dự án trồng, chế biến và xuất khẩu rau, hoa chất lượng cao
20	Các dự án (trồng và chế biến atisô; trồng và chế biến cao su)
21	Dự án chăn nuôi đại gia súc; dự án nuôi cá nước lạnh
22	Dự án chuyển hóa rừng nghèo kiệt sang trồng rừng kinh tế gắn với phát triển công nghiệp chế biến giấy, bột giấy

23	Trung tâm hội chợ, hội nghị, triển lãm tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc
24	Khu thương mại và văn phòng cao cấp tại thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc
25	Khu đô thị mới Liên Khương - Prenn; các khu dân cư, chung cư; khu thương mại - dân cư Ánh Sáng; khu văn hóa - đô thị Đinh Tiên Hoàng - Bùi Thị Xuân
26	Khu trung tâm văn hóa thể thao Lâm Đồng; công viên vui chơi giải trí Bà Huyện Thanh Quan
27	Bệnh viện Nhi Lâm Đồng
28	Nâng cấp và chuẩn hóa trường học; các trường học phổ thông, chuyên nghiệp và dạy nghề
29	Làng Đại học Đà Lạt - Lạc Dương; khu ký túc xá sinh viên

Ghi chú: Vị trí, quy mô, tổng mức vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư phù hợp với nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của địa phương./.